TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 441/2025/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 371/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con chung", giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975

Số Căn cước: 001075006xxx do Bộ Công an cấp ngày 27/9/2024.

Nơi cư trú: Thôn L, xã N, tỉnh Hưng Yên.

- ***Bị đơn:*** Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1975

Số CCCD: 033175010xxx do Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 17/8/2021.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh T và chị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 23/12/1994 và cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 20/6/2000. Nay hai cháu Tuấn A và Tuấn T1 đã đến tuổi trưởng thành, anh T và chị D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng (là động sản và bất động sản): Anh T và chị D thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2.3. Về công nợ chung vợ chồng: Anh T và chị D không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về công nợ chung vợ chồng nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013160 ngày 23/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Hà Nội. Hoàn trả anh T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 - Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Hà Nội;
- UBND xã T, thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 quyển số 1995 ngày 09/02/1995);
- Các đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Vũ Quang Dũng